

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2018/HNGĐ-ST
Ngày 06-9-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Tươi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lợi

2. Ông Đỗ Văn Thư

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng - Cán bộ Toà án huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 192/2018/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị D;

Địa chỉ: Thôn 5, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu P;

Địa chỉ: Thôn 5, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, tại bản tự khai và quá trình tố tụng nguyên đơn là chị Lê Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hữu P kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện A, thành phố Hải

Phòng vào năm 2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống tại gia đình anh P ở thôn 5, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc vui vẻ đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, anh P chơi bời nghiện ma túy đá về nhà thường xuyên đánh đập vợ con, không quan tâm đến gia đình. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại thôn 4, xã B huyện A, thành phố Hải Phòng sống từ năm 2017, vợ chồng chị đã sống ly thân, không còn quan tâm và trách nhiệm với nhau nữa. Nay chị xét thấy không còn tình cảm với anh Phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không thể chung sống đoàn tụ với nhau, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hữu P.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Hữu P có 02 con chung là Nguyễn Hữu D, sinh ngày 08 tháng 8 năm 2013 và Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 21 tháng 7 năm 2014. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Về tài sản chung: Chị và anh Nguyễn Hữu P không có tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 24 tháng 7 năm 2018 bị đơn anh Nguyễn Hữu P trình bày:

Anh và chị Lê Thị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sống tại gia đình nhà anh ở thôn 5, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng anh sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính nhau hay cãi vã nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình và bạn bè khuyên giải nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn của vợ chồng căng thẳng nhất vào năm 2017 nên chị D đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng đã sống ly thân, không ai còn quan tâm và trách nhiệm với nhau nữa. Nay chị Lê Thị D có đơn xin ly hôn, anh đồng ý thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Lê Thị D có 02 con chung là Nguyễn Hữu D, sinh ngày 08 tháng 8 năm 2013 và Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 21 tháng 7 năm 2014. Ly hôn anh đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị Lê Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị D.

Về tài sản chung: Anh và chị Lê Thị D không có tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự: Xét xử tập thể, công khai, trình tự thủ tục tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn đã chấp hành các quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vi phạm Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự không đến tham gia một số buổi hòa giải.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập, lời khai của các đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử: Cho chị Lê Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Hữu P.

Về con chung: Giao hai con chung Nguyễn Hữu D, sinh ngày 08 tháng 8 năm 2013 và Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 21 tháng 7 năm 2014 cho chị Lê Thị D trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh Nguyễn Hữu P cho chị Lê Thị D. Khi nào chị D có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác. Thời hạn nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung tính từ ngày 07 tháng 9 năm 2018 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về việc vắng mặt của nguyên đơn chị Lê Thị D và bị đơn anh Nguyễn Hữu P:

Đối với chị Lê Thị D: Quá trình giải quyết vụ án, ngày 04 tháng 9 năm 2018 chị Lê Thị D có đơn xin giải quyết vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử, căn cứ vào khoản 1, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Lê Thị D.

Đối với anh Nguyễn Hữu P: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các trình tự giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Hữu P có quan điểm xin vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Nguyễn Hữu P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, chứng cứ do đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập đã có đủ cơ sở xác định lời khai của chị Lê Thị D và anh Nguyễn Hữu P về thời gian, điều kiện kết hôn là đúng sự thật. Quá trình chung sống hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn và mâu thuẫn vợ chồng được thể hiện ở việc vợ chồng bất hòa căng thẳng dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính cách. Mặc dù mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải giúp đỡ nhưng không khắc phục được. Trong quá trình giải quyết vụ án,

Tòa án đã nhiều lần báo anh P đến để hòa giải tìm cách khắc phục mâu thuẫn giữa chị D và anh P. Tuy nhiên anh P vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải không có lý do, không tham gia phiên hòa giải để hai bên hàn gắn đoàn tụ, không đưa ra được biện pháp gì hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Bản thân chị D vẫn xác định chị không còn tình cảm vợ chồng, sự tin tưởng, thương yêu anh P, chị không thể tiếp tục chung sống đoàn tụ với anh P và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Hữu P. Anh Nguyễn Hữu P cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục đoàn tụ được, cuộc sống chung không có hạnh phúc và cùng có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho hai bên được ly hôn.

Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị Lê Thị D và anh Nguyễn Hữu P đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn do đó yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị D đối với anh Nguyễn Hữu P đưa ra là có căn cứ, cần được chấp nhận để giải phóng cho hai bên khỏi sự ràng buộc bởi quan hệ hôn nhân theo quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị D và anh Nguyễn Hữu P có 02 con chung là Nguyễn Hữu D, sinh ngày 08 tháng 8 năm 2013 và Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 21 tháng 7 năm 2014. Việc nuôi dưỡng con chung là quyền đồng thời là nghĩa vụ của cha mẹ. Quá trình giải quyết vụ án chị Lê Thị D và anh Nguyễn Hữu P đều có quan điểm đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị Lê Thị D trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn, anh Nguyễn Hữu P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Lê Thị D. Xét quan điểm của hai bên đưa ra là tự nguyện, không trái pháp luật. Do vậy, giao hai con chung Nguyễn Hữu D, sinh ngày 08 tháng 8 năm 2013 và Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 21 tháng 7 năm 2014 cho chị Lê Thị D trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung của anh Nguyễn Hữu P cho chị Lê Thị D. Khi nào chị D có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày 07 tháng 9 năm 2018 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Chị Lê Thị D và anh Nguyễn Hữu P xác định trong quá trình chung sống anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản chung.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 70, 147, Khoản 1, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 6, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Hữu P.

2. Về con chung: Giao hai con chung Nguyễn Hữu D, sinh ngày 08 tháng 8 năm 2013 và Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 21 tháng 7 năm 2014 cho chị Lê Thị D trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh Nguyễn Hữu P cho chị Lê Thị D. Khi nào chị D có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày 07 tháng 9 năm 2018 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị D phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Chị Lê Thị D đã nộp đủ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (Biên lai thu tiền số 0015176 ngày 14 tháng 6 năm 2018) nên không phải nộp nữa.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSNDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND xã B (nơi ĐKKH);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Tươi